

Dây điện cực	Selox ST		Selox JT		Siello T		Siello JT		Solia T	
Tiêu chuẩn phích	IS-1		IS-1		IS-1		IS-1		IS-1	
Cực tính	lưỡng cực		lưỡng cực		lưỡng cực		lưỡng cực		lưỡng cực	
Cổ định	3 chĩa		3 chĩa		4 chĩa		4 chĩa		4 chĩa	
Khoảng cách đầu-nhân	15 mm		15 mm		12 mm		12 mm		12 mm	
Độ dài	60cm/53 cm		53 cm/45 cm		60cm/53 cm		53 cm/45 cm		60cm/53 cm	
Điện cực đầu										
Diện tích	1.3 mm2		1.3 mm2		2,1 mm2		2,1 mm2		2,1 mm2	
Vật liệu chất	80% pt, 20% Ir		80% pt, 20% Ir		platinum/Iridium		platinum/Iridium		platinum/Iridium	
Kết cấu bề mặt	fractal		fractal		Iridium fractal		Iridium fractal		Iridium fractal	
Điện cực nhân										
Diện tích	25 mm2		25 mm2		17,4 mm2		17,4 mm2		17,4 mm2	
Chất liệu	80% pt, 20% Ir		80% pt, 20% Ir		platinum/ Iridium		platinum/ Iridium		platinum/ Iridium	
Kết cấu bề mặt	fractal		fractal		Iridium fractal		Iridium fractal		Iridium fractal	
Đường kính	2.2 mm (6.5F)		2.2 mm (6.5F)		1,9 mm (5,9F)		1,9 mm (5,9F)		1,9 mm (5,9F)	
Dây dẫn	Phân xa	Phân gần	Phân xa	Phân gần	Phân xa	Phân gần	Phân xa	Phân gần	Phân xa	Phân gần
Chất cách điện	Silicone	Silicone	Silicone	Silicone	Silicone	Silicone, polyurethane	Silicone	Silicone, polyurethane	Silicone	Silicone, polyurethane
Chất dây dẫn	MP35N	MP35N	MP35N	MP35N	MP35N	MP35N	MP35N	MP35N	nickel-cobalt alloy	nickel-cobalt alloy
Điện trở	1.1 Ohm/cm	1.0 Ohm/cm	1.1 Ohm/cm	0.45 Ohm/cm	0,65 Ohm/cm	2,45 Ohm/cm	0,65 Ohm/cm	2,45 Ohm/cm	0,65 Ohm/cm	2,45 Ohm/cm
Đường kính ống thông	2.1 mm (6.3F)		2.1 mm (6.3F)		1,8 mm (5,6F)		1,8 mm (5,6F)		1,8 mm (5,6F)	
Nhân chứa chất steroid										
Chất thuốc	Dexamethasone acetate (DXA)				Dexamethasone acetate (DXA)				Dexamethasone acetate (DXA)	
lượng thuốc	0.75mg		0.75 mg		0.27mg		0.27 mg		0.27mg	
Chất giữ thuốc	Nhân Silicone rubber				Silicone rubber		Silicone rubber		Silicone rubber	
Kim thích hợp	7F		7F		6F		6F		6F	

Dây điện cực	Solox
Tiêu chuẩn phích	IS-1
Số điện cực	4
Cực tính nhĩ	lưỡng cực
Cực tính thất	lưỡng cực
Cổ định	3 chĩa
Đường kính tối đa	2.7 mm (8.1F)
Cách biệt nhĩ-thất	11, 13, 14, 15 cm
Điện cực đầu	
Diện tích	3.5 mm2
Chất liệu	Iridium
Kết cấu bề mặt	fractal
Nhân ở thất	
Diện tích	25.4 mm2
Chất liệu	Iridium
Kết cấu bề mặt	fractal
Cách biệt các cực	10 mm
Nhân ở nhĩ	
Diện tích	25.4 mm2
Chất liệu	Iridium
Kết cấu bề mặt	fractal
Cách biệt các cực	10 mm
Bề dài	65/58 cm